

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2442/QĐ-ĐHTCM, ngày 29 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên chương trình (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG**

Tên chương trình (tiếng Anh): Finance- Banking

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Tài chính-Ngân hàng; Mã ngành: 8340201

Định hướng đào tạo: Ứng dụng

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng theo định hướng **ứng dụng** là trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu của lĩnh vực TC-NH theo từng chuyên ngành (Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Thẩm định giá, Thuế, Kho bạc). Chương trình cũng trang bị những kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp để vận hành, quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề thực tiễn trong một loại hình doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp có hiệu quả. Chương trình cũng đào tạo các học viên có khả năng trở thành các doanh nhân, nhà lãnh đạo tổ chức với tầm nhìn và tri thức về Tài chính - Ngân hàng trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Khi có nhu cầu, người học có thể học bổ sung một số phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2 Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức	
PO1	Cung cấp phương pháp luận khoa học, những kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng
PO2	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu theo từng chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Thẩm định giá, Thuế, Kho bạc.
Về kỹ năng	

PO3	Trang bị những kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp để vận hành và quản lý một loại hình doanh nghiệp chuyên nghiệp có hiệu quả.
PO4	Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về tài chính ngân hàng để phát hiện và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng;
PO5	Truyền đạt tri thức dựa trên các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng, có kỹ năng thảo luận các vấn đề thực tiễn với nhà chuyên môn và khoa học hoặc với người cùng ngành tài chính ngân hàng và với những người khác.
VỀ MỨC TỰ CHỦ VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM	
PO6	Tôn trọng pháp luật và có trách nhiệm nghề nghiệp cũng như trách nhiệm chuyên môn, có tinh thần học tập suốt đời.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Sau khi tốt nghiệp Chương trình thạc sĩ TCNH theo định hướng ứng dụng, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí công tác sau đây:

- Nhóm 1: Nhà quản trị cấp trung tại các doanh nghiệp-ngân hàng, Cục và chi cục hải quan, Kho bạc, Thuế, Sở tài chính, tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước;
- Nhóm 2: Chủ doanh nghiệp, Giám đốc tài chính (CFO), Giám đốc điều hành (CEO) tại các doanh nghiệp-ngân hàng, tập đoàn trong và ngoài nước.

3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo người học tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

VỀ KIẾN THỨC	
PLO1	Đánh giá được các thông tin, kiến thức một cách có tư duy, logic trong giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO2	Phân tích được các lý thuyết tài chính, ngân hàng để phát hiện các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong thực tiễn.
PLO3	Đánh giá được các lý thuyết tài chính, ngân hàng chuyên sâu của từng (hoặc/và) chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Thẩm định giá, Thuế, Kho bạc để giải quyết các vấn đề thực tiễn của chuyên ngành.

PLO4	Sáng tạo trong giải quyết vấn đề thực tiễn, đưa ra các giải pháp phù hợp theo từng (hoặc/và) chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Bảo hiểm, Hải quan, Thẩm định giá, Thuế, Kho bạc.
Về kỹ năng	
PLO5	Phân tích phản biện nhằm đưa ra những giải pháp toàn diện đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO6	Tổ chức, hướng dẫn, quản trị các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các định chế tài chính.
PLO7	Phân tích dữ liệu, quản lý dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO8	Làm việc nhóm, làm việc độc lập.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
PLO9	Có năng lực dân dốt chuyên môn, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO10	Có khả năng tự học hỏi, tự định hướng, tự thích nghi và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Thời gian học tập tối đa: 4 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 60 tín chỉ

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

6.1 Quy trình đào tạo:

Theo Quy chế Đào tạo trình độ thạc sỹ (Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Quy định đào tạo trình độ Thạc sỹ của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.2 Địa điểm đào tạo:

1. Địa điểm đào tạo là các cơ sở đào tạo hoặc phân hiệu của Trường.
2. Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo.
3. Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng

công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

4. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

6.3 Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): Không

6.4 Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu; luận văn đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm khác theo quy định của Trường, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

7. TUYỂN SINH:

7.1 Chỉ tuyển sinh: Theo chỉ tiêu được xét duyệt từ BGD&ĐT đối với năng lực đào tạo của Trường Đại học Tài chính-Marketing.

7.2 Chuẩn đầu vào:

a. Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành TC-NH;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành TC-NH và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 4 học phần (8 tín chỉ).

- Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành TC-NH và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 7 học phần (15 tín chỉ).

b. Yêu cầu tham niên công tác : Không

c. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ : được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn

toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

7.3 Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b. Sinh viên trường đại học Tài chính- Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ.

c. Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của trường;

+ Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

+ Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

7.4 Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

7.4.1 Danh mục các ngành đúng, ngành gần, ngành khác

Ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý bao gồm các ngành về chức năng quản trị, quản lý; các ngành về lĩnh vực quản trị, quản lý; các ngành về công cụ quản trị, quản lý. Ngành liên quan trực tiếp bao gồm:

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

b) Ngành gần: các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng khác với ngành đúng.

c) Ngành khác: các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

7.4.2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Ngành gần: bổ sung kiến thức 2 môn:

+ Kinh tế học (3TC)

+ Tài chính tiền tệ (2TC)

Ngành khác 4 môn:

- + Kinh tế học (3TC)
- + Tài chính tiền tệ (2TC)
- + Tài chính doanh nghiệp (2TC)
- + Nguyên lý kế toán (2TC).

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM :

Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, lấy điểm lẻ đến 0,5 điểm. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 5,5 trở lên (điểm đánh giá từ mức C trở lên). Nếu điểm học phần dưới 5,5 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

9.1 Kiến thức chung: 7 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	POL50001	Triết học (Philosophy)	4	60		
2	POL50002	Phương pháp NCDL 1	3	45		
		Tổng	7	105		

9.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 43

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
Kiến thức bắt buộc: 26TC						
3	FBM11044	Quản trị tài chính hiện đại	3	45		
4	FBM11092	PTCSTT&TK	3	45		
5	FBM11076	Tài chính quốc tế nâng cao	3	45		
7	FBM11181	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	45		
8	FBM11131	Phân tích BCTC và định giá DN	3	45		
9	FBM11151	Nghiên cứu tình huống 1 (Case study in finance 1)	3	45		
10	FBM11047	Nghiên cứu tình huống 2 (Case study in finance 2)	3	45		
11	FBM11048	Báo cáo chuyên đề	2	30		
12	FBM11049	Quản trị rủi ro các định chế tài chính	3	45		
		Tổng	26	390		
Kiến thức chuyên ngành tự chọn: 18 TC (Chọn 1 trong 7 chuyên ngành sau: TCNH, TCC, BH, HQ, TĐG, Thuế, Kho bạc)						
13	FBM11121	Quản trị danh mục đầu tư	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành TCNH
14	FBM11122	Mua bán sáp nhập	3	45		
15	FBM11201	Tài chính hành vi	3	45		
16	FBM1151	Ngân hàng số	3	45		
17	FBM1131	Quản trị rủi ro tài chính	3	45		
18	FBM1171	Chiến lược tài chính công ty	3	45		
19	FBM1172	Tài chính khởi nghiệp	3	45		
20	FBM1173	Blockchain and Cryptofinance	3	45		
21	FBM1174	Ngân hàng đầu tư nâng cao	3	45		
14	FBM1161	Quản trị và giám sát khu vực công	3	45		

15	FBM11171	Tài chính công nâng cao	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành TCC
16	FBM11141	Thẩm định đầu tư công	3	45		
17	FBM11161	Quản lý chi tiêu công	3	45		
18	FBM11051	Phân tích chính sách công	3	45		
19	FBM11195	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	45		
20	FBM11196	Tài chính công: Nghiên cứu ứng dụng	3	45		
21	FBM11197	Quản lý tài chính các đơn vị công	3	45		
22	FBM11198	Kiểm toán công	3	45		
23	FBM11049	Nguyên lý về an sinh xã hội	3	45		
24	FBM11050	Chính sách về an sinh xã hội, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Việt Nam và các nước	3	45		
25	FBM11051	Kinh tế bảo hiểm	3	45		
26	FBM11052	Công nghệ bảo hiểm	3	45		
27	FBM11121	Quản trị DMĐT	3	45		
28	FBM1128	QTRR định chế TC phi ngân hàng	3	45		
29	FBM1129	Truyền thông chính CSASXH	3	45		
30	FBM1130	Tài chính công ty bảo hiểm.	3	45		
31	FBM1131	Định phí bảo hiểm.	3	45		
32	FBM11053	Thẩm định giá bất động sản đầu tư	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành TĐG
33	FBM11054	Thẩm định giá doanh nghiệp nâng cao	3	45		
34	FBM11055	Thẩm định giá ngân hàng thương mại	3	45		
35	FBM11056	Thẩm định giá thương vụ mua bán sáp nhập	3	45		
36	FBM11057	Thẩm định giá tài sản trí tuệ	3	45		
37	FBM11058	Thẩm định giá chứng khoán phái sinh	3	45		
38	FBM11059	Ngân hàng số nâng cao	3	45		

39	FBM11060	Blockchain and Cryptofinance	3	45		
40	FBM11061	Thẩm định đầu tư công	3	45		
41	FBM11206	Đàm phán và phân tích các cam kết quốc tế về hải quan	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành hải quan
42	FBM11176	Quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan	3	45		
43	FBM11059	Quản lý hải quan về trị giá hàng hóa	3	45		
44	FBM11060	Quản lý hải quan về phân loại và xuất xứ hàng hóa	3	45		
45	FBM11226	Quản lý thuế XNK	3	45		
46	FBM11061	Kiểm tra sau thông quan	3	45		
47	FBM11062	Kiểm soát hải quan nâng cao	3	45		
48	FBM11063	Tài chính công nâng cao	3	45		
49	FBM11064	Kiểm toán công	3	45		
50	FBM11236	Tài chính công nâng cao	3	45		
51	FBM11266	Đạo đức thuế	3	45		
52	FBM11276	Hoạch định thuế	3	45		
53	FBM11286	Thuế quốc tế (International Taxation)	3	45		
54	FBM11296	Quản lý thuế nâng cao	3	45		
55	FBM11195	Phân tích chính sách thuế (Analysis of taxation policy)	3	45		
56	FBM1196	Lý thuyết thuế	3	45		
57	FBM1197	Quản lý NN về tài chính	3	45		
58	FBM1198	Kiểm toán công	3	45		
59	FBM11062	Quản lý kho bạc (Treasury management)	3	45		

60	FBM11063	Quản lý ngân sách và các quỹ ngoài ngân sách (Management of state budget and non-government funds)	3	45		Nhóm học phần trong chuyên ngành kho bạc
61	FBM11064	Quản lý nợ công (Public Debt Management)	3	45		
62	FBM11065	Quản lý đầu tư công (Public Investment Management)	3	45		
63	FBM11051	Phân tích chính sách công	3	45		
64	FBM11066	Kiểm toán nâng cao	3	45		
65	FBM11171	Tài chính công nâng cao	3	45		
66	FBM11172	Quản lý thuế	3	45		
67	FBM11173	Phân tích chính sách thuế	3	45		
		Tổng	18	270		

7.4. Đề án tốt nghiệp: 9 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
68	FBM1124	Đề án tốt nghiệp	9			
		Tổng	9			

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Học kỳ 1

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Triết học	4	
2	Quản trị tài chính hiện đại	3	
3	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	3	
4	Phương pháp nghiên cứu định lượng 1	3	
	TỔNG	13	

Học kỳ 2

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	
2	Tài chính quốc tế nâng cao	3	
3	Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh	3	
4	Quản trị rủi ro các định chế tài chính	3	
5	Báo cáo chuyên đề	2	Mời chuyên gia báo cáo
6	Nghiên cứu tình huống 1 (Case study in finance 1)	3	Học viên chọn 1 chủ đề thuộc lĩnh vực TCNH gắn với 1 đơn vị cụ thể để phân tích và viết báo cáo (phân công GV hướng dẫn cho nhóm hv do khoa TCNH phân công hướng dẫn)
	TỔNG	17	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành TCNH (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản trị danh mục đầu tư	3	
2	Tài chính hành vi	3	
3	Mua bán và sáp nhập	3	
4	Ngân hàng số nâng cao	3	
5	Quản trị rủi ro tài chính	3	
6	Chiến lược tài chính công ty	3	
7	Tài chính khởi nghiệp	3	
8	Blockchain and Cryptofinance	3	
9	Ngân hàng đầu tư nâng cao	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành Tài chính công (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản trị và giám sát khu vực công	3	
2	Tài chính công nâng cao	3	
3	Thẩm định đầu tư công	3	
4	Quản lý chi tiêu công	3	
5	Tài chính công: nghiên cứu ứng dụng	3	
6	Phân tích chính sách thuế	3	
7	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	
8	Quản lý tài chính các đơn vị công	3	
9	Kiểm toán công	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành Bảo hiểm(học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Kinh tế bảo hiểm	3	
2	Nguyên lý về an sinh xã hội	3	
3	Chính sách về an sinh xã hội, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Việt Nam và các nước	3	
4	Công nghệ bảo hiểm	3	
5	QTDM đầu tư	3	
6	QTRR định chế tài chính phi NH	3	
7	Truyền thông chính CSASXH	3	
8	Tài chính công ty bảo hiểm.	3	
9	Định phí bảo hiểm.	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 –Chuyên ngành Thẩm định giá (học viên chọn 6 học phần trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Thẩm định giá bất động sản đầu tư	3	
2	Thẩm định giá doanh nghiệp nâng cao	3	
3	Thẩm định giá ngân hàng thương mại	3	
4	Thẩm định giá thương vụ mua bán sáp nhập	3	
5	Thẩm định giá tài sản trí tuệ	3	
6	Thẩm định giá chứng khoán phái sinh	3	
7	Ngân hàng số nâng cao	3	
8	Blockchain and Cryptofinance	3	
9	Thẩm định đầu tư công	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 –Chuyên ngành Hải quan (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Đàm phán và phân tích các cam kết quốc tế về hải quan	3	
2	Quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan	3	
3	Quản lý hải quan về trị giá hàng hóa	3	
4	Quản lý hải quan về phân loại và xuất xứ hàng hóa	3	
5	Quản lý thuế XNK	3	
6	Kiểm tra sau thông quan	3	
7	Kiểm soát hải quan	3	
8	Tài chính công nâng cao	3	
9	Kiểm toán công	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành thuế (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Tài chính công nâng cao	3	
2	Đạo đức thuế	3	
3	Hoạch định thuế	3	
4	Thuế quốc tế (International Taxation)	3	
5	Quản lý thuế (Taxation Management)	3	
6	Phân tích chính sách thuế nâng cao (Analysis of taxation policy)	3	
7	Lý thuyết thuế	3	
8	Quản lý NN về tài chính	3	
9	Kiểm toán công	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 – Chuyên ngành kho bạc (học viên chọn 6 trong 9 học phần)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản lý kho bạc (Treasury management)	3	
2	Quản lý ngân sách và các quỹ ngoài ngân sách (Management of state budget and non-government funds)	3	
3	Quản lý nợ công (Public Debt Management)	3	
4	Quản lý đầu tư công (Public Investment Management)	3	
5	Phân tích chính sách công	3	
6	Kiểm toán nâng cao	3	
7	Tài chính công nâng cao	3	
8	Quản lý thuế	3	
9	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 4

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Nghiên cứu tình huống 2 (Case study in finance 2)	3	
2	Đề án tốt nghiệp	9	
	TỔNG	12	

